TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2017/HNGĐ- ST Ngày: 16/10/2017 V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Quế

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Vũ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2017/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXX- ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn L, thị trấn H, huyện T, tỉnh B.

(Có mặt)

- *Bị đơn*: Chị Vương Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn L, thị trấn H, huyện T, tỉnh B.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Hữu Đ và chị Vương Thị T kết hôn ngày 09/9/2009, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị Thơm về chung sống cùng gia đình anh Đ ngay.

Theo anh Đ vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong thời gian chung sống giữa anh và chị T không phù hợp tính cách nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau nhưng vì các con nên anh vẫn tiếp tục chung sống cùng chị T.

Đến khoảng tháng 01/2014 anh đi lao động tại Đài Loan, trong khoảng năm đầu tiên anh và chị T vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng sau đó lại thường

xuyên xảy ra tranh cãi nhau, cho đến giữa năm 2016 thì giữa anh và chị T không liên lạc gì với nhau nữa, chị T có gọi điện cho anh, anh cũng không nghe. Trong thời gian anh ở nước ngoài anh được biết chị T ở nhà có xảy ra mâu thuẫn, xô xát với mẹ anh, chị T còn đánh và cắn mẹ anh. Đến tháng 6/2017 anh về nước, anh đã sống ở nhà mẹ và cậu anh chứ không về sống cùng chị T nữa. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng chị T được nữa nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/10/2010 và Nguyễn Hữu Đ1, sinh ngày 04/3/2013. hiện nay cả ghai cháu đang ở cùng với anh. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh chăm sóc và nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án giữa anh và chị T đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau xong nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, ruộng canh tác: Anh xác nhận giữa anh và chị T không có gì nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị T xác nhận lời trình bày của anh Đ về quá trình kết hôn nhân và con chung là đúng. Quá trình chung sống giữa chị và anh Đ không có mâu thuẫn gì mà chỉ là mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng. Nguyên nhân là do mẹ chồng chị và chị không thống nhất trong việc chị dạy con. Chị thừa nhận giữa mẹ chồng chị và chị có xảy ra xô xát, cãi nhau và chị có cắn mẹ chồng chị nhưng sau đó chị đã xin lỗi mẹ chồng. Nay anh Đ xin ly hôn chị không đồng ý vì giữa chị và anh Đ không có mâu thuẫn gì, hơn nữa chị cho rằng tình cảm giữa chị và anh Đ vẫn còn nên chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh Đ có hai con chung như anh Đ trình bày là đúng. Nếu vợ chồng phải ly hôn chị đồng ý để anh Đ chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con. Anh Đ không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con, chị cũng nhất trí.

Về tài sản chung: Chị cũng xác nhận giữa chị và anh Đ đã tự thỏa thuận với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ và ruộng canh tác: Chị xác nhận giữa chị và anh Đ không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên toà hôm nay anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với Chị T. Về con chung: Anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T không đồng ý ly hôn với anh Đ. Nếu phải ly hôn chị đồng ý với ý kiến của anh Đ về vấn đề con chung.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Xử

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu Đến được ly hôn chị Vương Thị T.

Về con chung: Giao cho anh Đ chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/10/2010 và Nguyễn Hữu Đ1, sinh ngày 04/3/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Đ phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Hữu Đ và chị Vương Thị T kết hôn ngày 09/9/2009, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị T là có thật và nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách nuôi dạy con và do mâu thuẫn giữa mẹ chồng con dâu. Từ mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống song không được các bên giải quyết một cách triệt để dẫn đến quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng. Anh Đ và chị T đều xác nhận từ tháng 6/2017 sau khi anh Đ đi xuất khẩu lao động về nước, anh Đ không về chung sống cùng chị T, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần để các bên về đoàn tụ nhưng không thành. Anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với Chị T. Phía chị T ban đầu không đồng ý ly hôn nhưng khi anh Đ kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị thì chị cũng xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên đã thuận tình ly hôn với anh Đ. Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa anh Đ và chị T nhưng sau đó chị T lại có đơn đề nghị thay đổi thỏa thuận. Mặc dù chị T không đồng ý ly hôn với anh Đ nhưng chị cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho anh Đ được ly hôn với Chị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Đ và chị T có hai con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/10/2010 và Nguyễn Hữu Đ1, sinh ngày 04/3/2013. Tại phiên tòa hôm nay anh Đ đề nghị, nếu vợ chồng ly hôn thì Tòa án giao cho anh được chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Phía chị T cũng nhất trí với đề nghị của anh Đ và đồng ý giao cả hai con cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con, chị cũng đồng ý.

HĐXX thấy yêu cầu về việc nuôi con chung của anh Đ, chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cả hai con chung cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Đ, chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung song không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của nhau và của các con.

Về tài sản chung: Anh Đ, chị T đều xác nhận vợ chồng đã tự thỏa thuận với nhau xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về công nợ và ruộng canh tác: Không có.

Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116,117 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu Đ được ly hôn chị Vương Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/10/2010 và cháu Nguyễn Hữu Đ1, sinh ngày 04/3/2013 cho anh Nguyễn Hữu Đ chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Sau ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Anh Nguyễn Hữu Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận anh Đ đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/01091 ngày 28/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Thuận Thành;
- THADS huyện Thuận Thành;
- UBND xã An Bình;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu